

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ mười ba.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (sau đây viết tắt là Thông tư số 75/2019/TT-BTC).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 123/TTr-STC ngày 14/4/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết

Tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục I Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương."

II. Nội dung trình.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông địa phương.
- b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông địa phương.

2. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.

2.1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định pháp luật liên quan.

2.4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khoa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khoa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, làng thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

2.5. Chi khảo sát, học tập trong nước.

Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND, riêng mức chi hỗ trợ tiền áp dụng theo quy định tại mục (2.4).

3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền.

3.1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyễn nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ, về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3.2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

b) Riêng mức chi chủ tọa, cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3.3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

3.4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của ban tổ chức.

3.5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

3.6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông, hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình.

4.1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

4.2. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình.

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn, chi hỗ trợ tiền nước uống thực hiện theo Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND.

4.3. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại mục (3.2), khoản 3.

4.4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

5.1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo khoản 2.

5.2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3.

5.3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông.

6.1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

6.2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác.

7.1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

7.2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

7.3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7.4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông.

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.

b) Các nội dung chi: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

c) Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông: Các đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự

toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai, để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

d) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

(Có dự thảo nghị quyết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ mười ba xem xét, quyết định./. Www

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân
sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân
tỉnh V/v đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các
hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân Khóa XI, tại kỳ họp thứ mười ba.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến
nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông địa phương.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông địa phương.

Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ôm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định pháp luật liên quan.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyên giao công nghệ

a) Đối với đối tượng chuyên giao công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông

- Đối tượng chuyên giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đối tượng chuyên giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000

đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, làng thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong nước

Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND, riêng mức chi hỗ trợ tiền áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực

hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

b) Riêng mức chi chủ tọa, cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

2. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn, chi hỗ trợ tiền nước uống thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND.

3. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: mức chi áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị quyết này.

4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.

b) Các nội dung chi: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

c) Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông; các đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

d) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Trường hợp văn bản viễn dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ mươi ba thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh (đăng công báo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TN&MT;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- CV Phòng TH;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2/STC-QLNS

V/v Dự thảo Tờ trình của UBND.

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Gia Lai, ngày 18 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Căn cứ Thông báo số 213/TB-HĐND ngày 11/6/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 10/6/2020; theo đó thống nhất chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh đối với các nội dung do UBND tỉnh trong đó có quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Công văn số 1985/VP-KTTH ngày 16/6/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh V/v đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Thông báo số 213/TB-HĐND ngày 11/6/2020 của Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ Công văn số 883/STP-XD&KTVB ngày 10/6/2020 của Sở Tư pháp V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính đã hoàn thiện Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

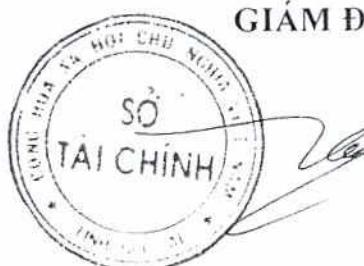
(*Gửi kèm theo Văn bản này: Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; bảng chi tiết các khoản chi theo chế độ quy định).*

Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *φ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

Số: 1573 /STC-QLNS

V/v Giải trình Dự thảo Tờ trình
của UBND, Nghị quyết của HĐND
tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ
trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh
Gia Lai.

Gia Lai, ngày 18 tháng 6 năm 2020

BẢN GIẢI TRÌNH

Căn cứ Công văn số 883/STP-XD&KTVB ngày 10/6/2020 của Sở Tư pháp
V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông
địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính báo cáo giải trình như sau:

1. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sở Tư pháp có ý kiến:

Hồ sơ dự thảo văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định thiếu Văn bản của Thường trực
HĐND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sở Tài chính trả lời: Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Thông báo số 213/TB-HĐND ngày 11/6/2020 kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 1089/2020, theo đó thống nhất chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh đối với các nội dung trình, trong đó có quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Sở Tư pháp có ý kiến: Về nội dung dự thảo văn bản

a) Tại khoản 4 Điều 2

Căn cứ Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật, để nghị bổ cục nội dung tại khoản này thành 02 khoản gồm: khoản
quy định về chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự
đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông **cho đối tượng nhận
chuyển giao công nghệ** và khoản quy định về chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài
liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập
khuyến nông **cho đối tượng chuyển giao công nghệ**; bổ cục các điểm đảm bảo hợp
lý.

Trên cơ sở bổ cục lại nội dung tại khoản 4, để nội dung dự thảo văn bản đảm
bảo chặt chẽ, thống nhất, đề nghị:

- Ở gạch đầu dòng thứ hai điểm b, chỉnh sửa nội dung “**hỗ trợ tiền ăn, tiền đi
lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công
nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo**” như sau: “**hỗ
trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận
chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ**

nghèo tại ...”; ở dấu ba chấm (...)bổ sung nội dung viện dẫn cụ thể điểm, khoản quy định về nội dung cần viện dẫn (*điểm, khoản quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo*).

- Đối với nội dung “*hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính*” ở gạch đầu dòng thứ hai điểm a, đề nghị nghiên cứu quy định tại điểm 3, điểm 4 khoản II Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; xây dựng nội dung đảm bảo phù hợp, chính xác, đồng thời đảm bảo thống nhất với nội dung tương tự ở gạch đầu dòng thứ nhất điểm b.

- Đối với nội dung “*xã, thôn, bản*” ở gạch đầu dòng thứ hai điểm a và ở gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh (tỉnh Gia Lai có “*bản*” hay không?).

Sở Tài chính có ý kiến: Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC có quy định tại hai gạch đầu dòng: Đối tượng chuyển giao... và đối tượng nhận chuyển giao do đó Sở Tài chính soạn thảo tại khoản 4 Điều 2 chia làm mục a và mục b là phù hợp với Thông tư; Đối với nội dung “*Xã, thôn, bản*” Sở Tài chính thông nhất điều chỉnh “*Xã, thôn, làng*”

b) Ở khoản 5 Điều 2, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*quy định tại khoản 4 Điều này*” đảm bảo tính rõ ràng, chính xác, thống nhất của dự thảo văn bản.

Sở Tài chính thông nhất điều chỉnh.

c) Tại điểm b khoản 2 Điều 3, đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai để xây dựng nội dung đảm bảo chính xác, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Sở Tài chính có ý kiến: Tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN quy định UBND tỉnh ban hành quy định cho phù hợp với địa phương, địa phương đã ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND. Trong khi Dự thảo Nghị quyết vận dụng mức chi quy định tại khoản 5, Điều 7 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN do đó không áp dụng Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND được.

d) Ở khoản 3 Điều 4, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Điều 3*” như sau: “*khoản 2 Điều 3*”.

Sở Tài chính thông nhất điều chỉnh.

đ) Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định:

“*Điều 10. Nội dung chi, mức chi*

Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục I Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các

“hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương.”

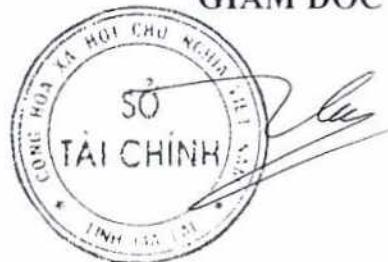
Sở Tài chính có ý kiến như sau: Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, ban hành dựa trên cơ sở Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018, sau khi rà soát các nội dung chi và mức chi tại 02 văn bản nêu trên, mức chi tại dự thảo nghị quyết là phù hợp.

Trên đây là ý kiến giải trình của Sở Tài chính./. ⚡

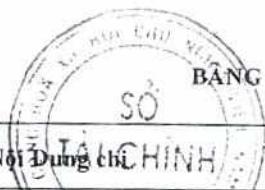
Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ánh Dũng



BẢNG MỨC CHI THEO QUY ĐỊNH

STT	Nội dung chi	Mức chi	Văn bản áp dụng
I	Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo		
2	Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; Phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật:		
a	Thù lao giảng viên, trợ giảng		Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai
-	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	2 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm a
-	Giảng viên, báo cáo viên là Thủ trưởng, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sĩ khoa học	1,6 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm b
-	Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND và PCT UBND cấp tỉnh, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên chính	1,2 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm c
-	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị ở TW và cấp tỉnh (trừ đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này)	1 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm d
-	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	0,6 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, Điểm e
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền di lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đổi tượng chuyển giao công nghệ		Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 7/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai
a	Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông		
a.1	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học		
-	Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác	200.000 đ/ngày	Điều 1, Khoản 1, Điểm 2, Mục 2.1
a.2	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học		
-	Hỗ trợ tiền ăn		
+	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thị xã thuộc tỉnh	150.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điểm 3, Mục a
+	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	100.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điểm 3, Mục b
b	Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP		
b.1	Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học		
-	Hỗ trợ tiền ăn	Như trên	Điều 1, Khoản II, Điểm 3, Mục a, b
II	Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền		
2	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập		
a	Nội dung, mức chi		Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 7/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai
-	Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị:		
+	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	1 trđ/buổi	Điều 1, Khoản II, Điểm 1
+	Giảng viên, báo cáo viên là Thủ trưởng, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sĩ khoa học	0,8 trđ/buổi	Điều 1, Khoản II, Điểm 1
+	Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND và PCT UBND cấp tỉnh, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên chính	0,6 trđ/buổi	Điều 1, Khoản II, Điểm 1

STT	Nội Dung chi	Mức chi	Văn bản áp dụng
+	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị ở TW và cấp tỉnh (trừ đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này)	0,5 trđ/buổi	Điều 1, Khoản II, Điều 1
+	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	0,3 trđ/buổi	Điều 1, Khoản II, Điều 1
-	Chi giải khát giữa giờ	20.000 đ/buổi/đại biểu	Điều 1, Khoản II, Điều 2
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau		
+	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thị xã thuộc tỉnh	150.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điều 3, Mục a
+	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	100.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điều 3, Mục b
	Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp		Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị cần cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại khoản 4 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này)
-	Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế	
3	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông	Nhu khoản 2, điểm a	
III	Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình		
2	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình		
b	Chi hỗ trợ tiền ăn, chi hỗ trợ tiền nước uống		Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 7/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai
-	Chi giải khát giữa giờ	20.000 đ/buổi/đại biểu	Điều 1, Khoản II, Điều 2
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau		
+	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thị xã thuộc tỉnh	150.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điều 3, Mục a
+	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	100.000 đ/ngày/người	Điều 1, Khoản II, Điều 3, Mục b
c	Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu)		Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai
	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	2 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm a
	Giảng viên, báo cáo viên là Thủ trưởng, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sĩ khoa học	1,6 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm b

STT	Nội Dung chi	Mức chi	Văn bản áp dụng
	Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch HĐND và PCT UBND cấp tỉnh, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên chính	1,2 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm c
	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị ở TW và cấp tỉnh (trừ đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này)	1 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, điểm d
	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	0,6 trđ/buổi	Điều 1, Khoản 1, Mục 1.1, Điểm e
IV	Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông		
1	Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm		Như Phần I
2	Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm		Như Phần I
V	Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông		
2	Đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc		Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai
a	Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở (đã bao gồm cả bữa ăn sáng)		
-	Đoàn là khách hạng A		Điều 1, Khoản 2, Mục 2.1, Điểm a
+	<i>Trưởng đoàn</i>	4.000.000 đ/người/ngày	
+	<i>Phó đoàn</i>	3.300.000 đ/người/ngày	
+	<i>Đoàn viên</i>	2.500.000 đ/người/ngày	
-	Đoàn là khách hạng B		Điều 1, Khoản 2, Mục 2.1, Điểm b
+	<i>Trưởng đoàn, Phó đoàn</i>	3.300.000 đ/người/ngày	
+	<i>Đoàn viên</i>	2.000.000 đ/người/ngày	
-	Đoàn khách hạng C		Điều 1, Khoản 2, Mục 2.1, Điểm c
+	<i>Trưởng đoàn</i>	1.800.000 đ/người/ngày	
+	<i>Đoàn viên</i>	1.300.000 đ/người/ngày	
-	Khách mời quốc tế khác	600.000 đ/người/ngày	Điều 1, Khoản 2, Mục 2.1, Điểm d

Số: 883/STP-XD&KTVB

Gia Lai, ngày 10 tháng 6 năm 2020

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông địa
phương áp dụng trên địa bàn tỉnh
Gia Lai

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ngày 08/6/2020, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1361/STC-QLNS ngày 02/6/2020 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây viết là dự thảo văn bản*), các tài liệu khác gửi kèm theo Văn bản số 1361/STC-QLNS và đối chiếu với quy định pháp luật liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND TỈNH

Hồ sơ dự thảo văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định **thiếu** Văn bản của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh (về việc thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Tư pháp đã có ý kiến lưu ý đơn vị tại các Văn bản số: 631/STP-XD&KTVB ngày 20/4/2020 và 715/STP-XD&KTVB ngày 08/5/2020). Tại Thông báo số 207/TB-HĐND ngày 21/5/2020 của Thường trực HĐND tỉnh kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 5 năm 2020 có nêu: “*Đối với các dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật dự kiến trình Kỳ họp thứ Mười ba chưa có chủ trương xây dựng dự thảo nghị quyết: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn sớm triển khai thực hiện các quy trình, thủ tục trước khi trình Kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định*”.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý việc tham mưu UBND tỉnh thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

II. VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thông nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

III. TÍNH HỢP HIỆN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo văn bản

a) Tại khoản 4 Điều 2

Căn cứ Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bổ cục nội dung tại khoản này thành 02 khoản gồm: khoản quy định về chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông **cho đối tượng nhân chuyên giao công nghệ** và khoản quy định về chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông **cho đối tượng chuyển giao công nghệ**; bổ cục các điểm đảm bảo hợp lý.

Trên cơ sở bổ cục lại nội dung tại khoản 4, đề nội dung dự thảo văn bản đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, đề nghị:

- Ở gạch đầu dòng thứ hai điểm b, chỉnh sửa nội dung “*hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo*” như sau: “*hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo tại ...*”; ở dấu ba chấm (...) bổ sung nội dung vien dẫn cụ thể điểm, khoản quy định về nội dung cần vien dẫn (điểm, khoản quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo).

- Đổi với nội dung “*hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính*” ở gạch đầu dòng thứ hai điểm a, đề nghị nghiên cứu quy định tại điểm 3, điểm 4 khoản II Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; xây dựng nội dung đảm bảo phù hợp, chính xác, đồng thời đảm bảo thống nhất với nội dung tương tự ở gạch đầu dòng thứ nhất điểm b.

- Đổi với nội dung “*xã, thôn, bản*” ở gạch đầu dòng thứ hai điểm a và ở gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh (tỉnh Gia Lai có “*bản*” hay không?).

b) Ở khoản 5 Điều 2, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*quy định tại khoản 4 Điều này*” đảm bảo tính rõ ràng, chính xác, thống nhất của dự thảo văn bản.

c) Tại điểm b khoản 2 Điều 3, đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của

UBND tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai để xây dựng nội dung đảm bảo chính xác, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

d) Ô khoản 3 Điều 4, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Điều 3” như sau: “khoản 2 Điều 3”.

đ) Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định:

“Điều 10. Nội dung chi, mức chi

Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương.”

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ đối với việc không xây dựng một số nội dung chi, mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông như: hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp; hỗ trợ chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành;...

IV. VỀ NGÔN NGỮ VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đổi chiếu Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các quy định khác tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật, như:

- Trình bày số, ký hiệu văn bản bằng cỡ chữ 13;
- Chính sửa một số lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu tại dự thảo văn bản.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo văn bản trước khi tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: XD&KTVB; VT/TP.



Lê Thị Ngọc Lam

Số: 213/TB-HĐND

Gia Lai, ngày 11 tháng 6 năm 2020



THÔNG BÁO

Kết luận phiên họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 10/6/2020

Ngày 10/6/2020, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp để bàn, thống nhất quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền. Tham dự phiên họp có Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh, đại diện lãnh đạo: UBND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ông Đặng Phan Chung - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh chủ trì phiên họp.

Sau khi nghe Văn phòng HĐND tỉnh báo cáo nội dung xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh; các ý kiến thảo luận của đại biểu dự họp, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

1. Thông nhất chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh đối với các nội dung do UBND tỉnh trình, gồm:

- Quy định chi tiết vấn đề được giao tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Tờ trình số 1092/TTr-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh*).

- Quy định nội dung chỉ, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Tờ trình số 1073/TTr-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh*).

- Riêng đối với chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh để triển khai khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 (*Tờ trình số 1147/TTr-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh*): Đề nghị UBND tỉnh khi xây dựng tờ trình, dự thảo nghị quyết phải xác định cụ thể danh mục dự án thuộc những "trường hợp cần thiết" để HĐND quyết định việc giao cho UBND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.

2. Thông nhất không trình HĐND tỉnh nội dung giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh năm 2021.

Trên cơ sở kiến nghị, đề nghị giám sát của đại biểu HĐND tỉnh, các tờ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh sẽ xem xét, quyết định nội dung giám sát năm 2021.

3. Thông nhất việc xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 của bà Nay Hồng Tâm - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Trưởng Ban Tổ chức Thị ủy thị xã Ayun Pa, đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021. Giao Văn phòng HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các thủ tục theo quy định, trình HĐND tỉnh quyết định tại Kỳ họp thứ Mười ba, HĐND tỉnh khóa XI.

4. Thông nhất các nội dung chuẩn bị tổ chức Chương trình “*Tiếp xúc, đối thoại giữa đại biểu HĐND tỉnh với trẻ em*” tỉnh Gia Lai năm 2020 như đề xuất của Văn phòng HĐND tỉnh. Giao Văn phòng HĐND tỉnh phối hợp với Tỉnh đoàn và Sở Giáo dục - Đào tạo tham mưu Thường trực HĐND tỉnh các nội dung liên quan và chuẩn bị quà tặng các cháu tham gia Chương trình tiếp xúc, đối thoại (200 suất quà với tổng số tiền: 40.000.000 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng) từ nguồn kinh phí hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh năm 2020).

Trên đây là kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp ngày 10/6/2020. Thường trực HĐND tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan biết, phối hợp triển khai thực hiện./. *M/L*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên VP HĐND tỉnh;
- Lưu, VT- TH.

TL. CHỦ TỊCH

CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Tiến Anh



BAO CÁO CÁC ĐƠN VỊ GÓP Ý DỰ THẢO

(Kèm theo Công văn số 1544/STC-QLNS ngày 18 tháng 6 năm 2020)

STT	TÀI CHÍNH Đơn vị	Góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
1	UBND TP Pleiku	Đồng ý	
2	UBND TX Ayun Pa	Đồng ý	
3	UBND TX An Khê	Đồng ý	
4	UBND Huyện Ia Grai	Đồng ý	
5	Sở Văn hóa - Thể thao và DL	Đồng ý	
6	Sở Công thương	Đồng ý	
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đồng ý	
8	BQL Khu kinh tế	Đồng ý	
9	Công An tỉnh	Đồng ý	
10	Ban dân tộc	Đồng ý	
11	Đài phát thanh - Truyền hình	Đồng ý	
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 5 mục I Điều 3 dự thảo viễn dãy chưa chính xác , Khoản , mục III Điều 3 không quy định hạn mức là bao nhiêu , Khoản , mục III Điều 3 đề nghị bổ sung số ngày thuê thực tế khi thuê cán bộ kỹ thuật , Mục IV Điều 3: Bổ sung mức chi cho nội dung tư vấn trực tiếp, tư vấn.. , Khoản 4 mục V Điều 3: đề nghị bổ sung thêm mức chi cho hội đồng tư vấn, xác định, đánh giá.. 	<p>Tiếp thu</p> <ul style="list-style-type: none"> , Căn cứ nguồn kinh phí khi phê duyệt dự án hội đồng sẽ quyết định số tiền cụ thể
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> , Đề nghị chỉnh sửa Nghị định 83/2016/NĐ-CP thành Nghị định 83/2018/NĐ-CP , Đề nghị bổ sung phần căn cứ Thông tư 76/2018/TT-BTC, Thông tư số 36/2018/TT-BTC 	<p>Tiếp thu</p>

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU

Số: 1320/UBND-TCKH

Về việc tham gia góp ý dự thảo
Tờ trình, Nghị quyết quy định nội
dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 9 tháng 5 năm 2020

01

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai

Thực hiện Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Xét đề xuất của phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố tại văn bản số 619/TCKH-QLNS ngày 08/5/2020; UBND thành phố Pleiku thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh Gia Lai, Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND thành phố Pleiku tham gia ý kiến để Sở Tài chính tỉnh Gia Lai được biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND Tp;
- Phòng TCKH, KT Tp (theo dõi);
- Trung tâm DVNN Tp (theo dõi);
- Đ/c Ngọc – CVVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH,



Ủy ban Nhân dân
thành phố Pleiku
Tỉnh Gia Lai
09.05.2020
Nguyễn Hữu Quế

13:18:04 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1186 /UBND-TH
V/v tham gia góp ý dự thảo
Tờ trình của UBND, Nghị
quyết của HĐND tỉnh quy
định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến
nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Ayun Pa, ngày 08 tháng 5 năm 2020

Đ2

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Công văn số 1100/SFC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính
tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia
Lai.

Qua xem xét, nghiên cứu nội dung bản dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh,
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai và ý kiến góp ý của cơ quan chuyên môn.
Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa thống nhất với các nội dung trong bản dự thảo
Tờ trình, Nghị quyết do Sở Tài chính soạn thảo.

Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa báo cáo Sở Tài chính tỉnh Gia Lai biết,
tổng hợp./.

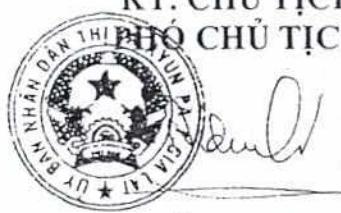
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thị xã;
- VP. HĐND-UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Điện

Ủy ban
Nhân dân
thị xã
Ayun Pa
Tỉnh Gia
Lai
08.05.2020
10:06:31
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ
Số: 5/6 /UBND-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
An Khê, ngày 11 tháng 5 năm 2020

V/v tham gia góp ý dự thảo Tờ
trình của UBND, Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định nội dung chi,
mức hỗ trợ khuyến nông trên địa
bàn tỉnh Gia Lai

DL

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Trên cơ sở Văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Giám đốc Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Ủy ban nhân dân thị xã An Khê có ý kiến như sau:

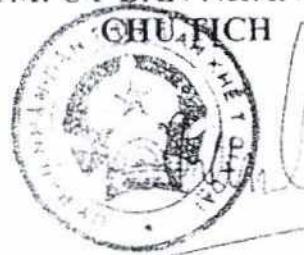
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Ủy ban nhân dân thị xã thống nhất các nội dung của dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân thị xã gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định./. 2

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Các Ủy viên UBND thị xã;
- Lưu VT, TCKH,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hùng Vỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
Số: 543 /UBND-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ia Grai, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Về việc tham gia ý kiến dự thảo
Tờ trình của UBND, Nghị quyết
của HĐND tỉnh quy định nội
dung chi, mức hỗ trợ khuyến
nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai

Thực hiện Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/04/2020 của Sở Tài chính
tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai,
Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn
tỉnh Gia Lai do Sở Tài chính soạn thảo, Ủy ban nhân dân huyện thống nhất với các nội
dung của dự thảo và không có ý kiến tham gia gì thêm.

Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai có ý kiến như trên đề Sở Tài chính biết, tổng
hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT, QLVBĐH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Quý

Ủy ban
Nhân dân
huyện Ia
Grai
Tỉnh Gia
Lai
08.05.2020
14:04:33
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 743 /SVHTTDL-KHTC

V/v tham gia ý kiến dự thảo tờ trình của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 04 tháng 5 năm 2020

5

Kính gửi: Sở Tài chính.

Theo nội dung Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

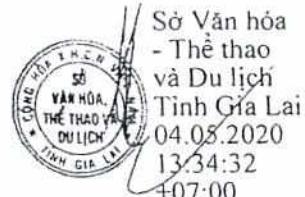
Qua nghiên cứu nội dung dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Sở Tài chính chủ trì soạn thảo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với nội dung của các bản dự thảo trên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia ý kiến như trên, đề Sở Tài chính có cơ sở tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hoàng

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 610 /SCT-CN

V/v tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình
của UBND, Nghị quyết của HĐND
tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
khuyến nông trên địa bàn tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2020

b

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Công Thương nhận được văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của
Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
Sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương có ý kiến như sau:

Thống nhất nội dung Dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh
quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, QLCN.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn
Duy Lộc
Sở Công
thương,
Tỉnh
Gia Lai
08.05.20
20
15:27:56
+07:00

Nguyễn Duy Lộc

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 11/2020/SNNPTNT-TTKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 10 tháng 5 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình
của UBND, Nghị quyết của HĐND
tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

7

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính
tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết
của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn
tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

1. Về nội dung chi cho khuyến nông trong Dự thảo là chi tiết và đầy đủ theo
Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.
2. Về mức chi cho hoạt động khuyến nông trong Dự thảo căn cứ theo Thông tư
số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử
dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động
khuyến nông và các văn bản Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các mức chi
trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũng rất chi tiết và đầy đủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTKN.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông
thôn

P2.05.2020

16:28:53 +07:00

Đoàn Ngọc Cò

UBND TỈNH GIA LAI
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 571 /BQLKKT-VP

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Q

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ban Quản lý Khu kinh tế nhận được Văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu, Ban Quản lý Khu kinh tế thống nhất với các nội dung của dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ban Quản lý Khu kinh tế gửi Sở Tài chính biết tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VP(02).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đăng Khoa

Ban Quản lý
Khu kinh tế
Tỉnh Gia Lai
08.05.2020
16:03:16 +07:00

Số: 729 /CAT-PV01

V/v góp ý Dự thảo văn bản

Gia Lai, ngày 7 tháng 5 năm 2020

9

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ngày 29/4/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1100/STC-QLNS đề nghị tham gia góp ý Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Qua nghiên cứu, Công an tỉnh thống nhất nội dung Dự thảo; trao đổi để Sở Tài chính biết, tổng hợp ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PV01 (Đ6).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thượng tá Phạm Hữu Trường

UBND TỈNH GIA LAI

BAN DÂN TỘC

Số:297/BDT-CSKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

AD

Kính gửi: Sở Tài chính.

Ban Dân tộc nhận được Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính, về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ban Dân tộc cơ bản thống nhất nội dung dự thảo dự thảo Tờ trình, Nghị quyết nêu trên không có ý kiến khác so với nội dung của dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Ban Dân tộc gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu VT, CSKH.



Ban Dân tộc
Tỉnh Gia Lai
08.05.2020
09:37:15 +07:00

Kpă Đô

UBND TỈNH GIA LAI
ĐÀI PHÁT THANH-TRUYỀN HÌNH

Số:72/PT-TH

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND.
Nghị quyết của HDND tỉnh quy định nội
dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên
địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 05 tháng 5 năm 2020

AM

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Căn cứ nội dung Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HDND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo trên, Đài PT-TH Gia Lai nhất trí với nội dung các dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HDND tỉnh, không có ý kiến tham gia gì thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lực: VT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Quang

Đài Phát
thanh -
Truyền hình
Tỉnh Gia Lai
06.05.2020
13:50:47
+07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1023 /SKHĐT-KTN
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 05 tháng 5 năm 2020

12

Kính gửi: Sở Tài chính

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Dự thảo quy định nội dung chi cơ bản theo đúng quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông. Tuy nhiên cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Khoản 5 mục I Điều 3: Dự thảo sử dụng viện dẫn văn bản “Điểm d Khoản 2 Điều này” là chưa chính xác, vì dự thảo Nghị quyết không có viện dẫn này.

- Khoản 1 mục III Điều 3: Dự thảo quy định mức hỗ trợ là 100% và 70% chi phí giống, thiết bị, vật tư thiết yếu nhưng không quy định hạn mức là bao nhiêu. Đề nghị bổ sung nội dung này.

- Khoản 1 mục III Điều 3: Đề nghị bổ sung hạn mức số ngày thuê thực tế khi thuê cán bộ kỹ thuật.

- Mục IV Điều 3: Đề nghị bổ sung thêm mức chi cho nội dung “Tư vấn trực tiếp, tư vấn ...” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

- Khoản 4 mục V Điều 3: Đề nghị bổ sung thêm mức chi cho nội dung “Chi hội đồng tư vấn, xác định, đánh giá ...” theo quy định tại tiết 2 điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KTN (2b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Phạm Công Thành
Email: thanhpc.akhdt@gidaidai.vn
Cơ quan: Sở Kế hoạch
và Đầu tư, Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 05/05/2020
20:20:59 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/STNMT-ĐKTK

Gia Lai, ngày 5 tháng 5 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình
của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND
tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
khuyến nông trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Tài chính.

13

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
Sau khi nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về nội dung: Cơ bản thống nhất.

2. Về một số vấn đề khác tại dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị chỉnh sửa Nghị định số 83/2016/NĐ-CP... thành Nghị định 83/2018/NĐ-CP... tại phần dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị bổ sung các Nghị định, Thông tư có liên quan vào phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết như: Thông tư 76/2018/TT-BTC, Thông tư 36/2018/TT-BTC..

- Tại khoản 1, mục III của dự thảo Nghị quyết: Đối với các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn... đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu để quy định cụ thể đối tượng được xác định theo tiêu chí, quy định nào để tránh chồng chéo.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐKTK.



Trần Quốc Khanh

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 598/STTTT-VP

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Tờ trình của Uỷ ban nhân dân,
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ
trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh
Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 05 tháng 5 năm 2020

14

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai nhận được Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của Uỷ ban nhân dân, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

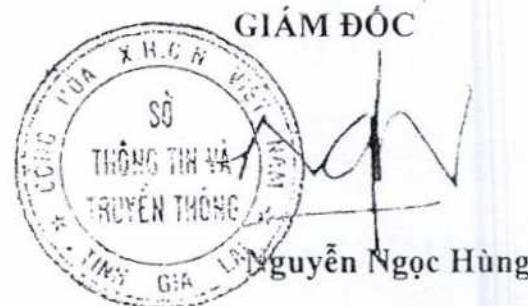
- Tại tiết b, điểm 1, khoản II, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ căn cứ mức chi theo Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút.

- Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ thì Chương II, Chương V, Chương VI của Nghị định số 61/2002/NĐ-CP đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/6/2014 và theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ thì Chương I, III, IV, VII, VIII, IX và Chương X của Nghị định số 61/2002/NĐ-CP đã hết hiệu lực kể từ ngày 15/4/2015.

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh Gia Lai tổng hợp ý kiến theo quy định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 828/SXD-QLXD
V/v góp ý kiến dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 07 tháng 5 năm 2020

15

Kính gửi: Sở Tài chính Gia Lai

Sở Xây dựng Gia Lai nhận được Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu, Sở Xây dựng Gia Lai có ý kiến như sau:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa lại là: “**Nghị quyết này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông**”.

- Tại khoản 5 mục I Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa lại là: “Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại **khoản 4 mục I Điều 3 của Nghị quyết này**”.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

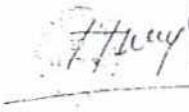
- Như trên;
- Lưu: VT, QLXD (01b).

GIÁM ĐỐC

Sở Xây dựng
Tỉnh Gia Lai

07.05.2020
13:48:33

+07:00


Đỗ Việt Hưng

Số: 380/SKHCN-QLCS
V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND,
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội
dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông

Gia Lai, ngày 07 tháng 5 năm 2020

16

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sau khi nghiên cứu, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo gửi kèm. Tuy nhiên để hoàn chỉnh dự thảo cần chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết: có nội dung “*Nghị định này quy định*” đề nghị chỉnh sửa lại như sau “*Nghị quyết này quy định*” cho phù hợp hơn.

- Tại điểm 4 khoản I Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết: đề nghị xem lại nội dung về đơn vị hành chính xã, thôn, bản (Gia Lai là tỉnh không có bản, chỉ có xã, thôn, làng).

- Đề nghị đánh số trang của dự thảo Nghị quyết đúng theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Trên đây là ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông. Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Hải

Ký bởi: Sở
Khoa học và
Công nghệ
Cơ quan:
Tỉnh Gia Lai
Ngày ký:
07.06.2020
08:57:26
+07:00

Số: 715/STP-XD&KTVB
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết, dự
thảo Tờ trình về ban hành quy
định nội dung chi, mức chi hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2020

17

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1100/STC-QLNS ngày 29/4/2020 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây viết là dự thảo Nghị quyết*); dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây viết là dự thảo Tờ trình*) gửi kèm theo Văn bản số 1100/STC-QLNS, Sở Tư pháp tham gia một số ý kiến như sau:

I. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về nội dung

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản, đề nghị trình bày chính xác số, ký hiệu ở căn cứ Nghị định số 83/2016/NĐ-CP, như sau: "Nghị định số 83/2018/NĐ-CP".

b) Tại Điều 1, đề nghị:

- Ở điểm a khoản 1, xây dựng nội dung đảm bảo quy định ngắn gọn, chính xác phạm vi điều chỉnh của văn bản, đồng thời đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

Theo đó, xây dựng nội dung về đối tượng áp dụng văn bản tại khoản 2 đảm bảo thống nhất với phạm vi điều chỉnh của văn bản.

- Bỏ điểm b khoản 1 vì không cần thiết, đồng thời đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh của văn bản.

c) Căn cứ khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị bỏ Điều 2, vì đã được quy định tại Điều 32 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Điều 2 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

d) Tại Điều 3

- Tại nội dung viện dẫn văn bản, đề nghị:

+ Thống nhất cách trình bày thời điểm ban hành văn bản (“ngày ... tháng ... năm ...”, “ngày .../.../...”).

+ Trình bày chính xác tên gọi của văn bản (*như: chỉnh sửa tên gọi của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ở tiết b điểm 2 khoản II;...*).

+ Trình bày chính xác, đầy đủ tên cơ quan, người ban hành văn bản (*như: bổ sung tên cơ quan ban hành Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ở điểm 2 khoản I; chỉnh sửa thẩm quyền ban hành Thông tư, Thông tư liên tịch;...*).

- Đối với các nội dung quy định viện dẫn cả văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành (*sau đây viết là văn bản Trung ương*) và văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (*sau đây viết là văn bản địa phương*), đề nghị đổi chiếu các quy định của văn bản địa phương với các quy định của văn bản Trung ương; xây dựng nội dung đảm bảo đầy đủ, ngắn gọn, cụ thể: trường hợp văn bản địa phương đã quy định chi tiết, đầy đủ nội dung cần viện dẫn thì chỉ quy định viện dẫn văn bản địa phương; trường hợp văn bản địa phương chỉ quy định chi tiết một phần nội dung cần viện dẫn, các nội dung cần viện dẫn còn lại áp dụng quy định tại văn bản Trung ương thì xây dựng nội dung viện dẫn cả văn bản Trung ương và văn bản địa phương.

- Ở điểm 4 khoản I

+ Ở nội dung “*hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính*”, đề nghị nghiên cứu Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; xây dựng nội dung đảm bảo cụ thể, chính xác, thống nhất với hệ thống pháp luật địa phương.

Tương tự, đề nghị chỉnh sửa ở điểm 5 khoản I.

+ Ở nội dung “*xã, thôn, bản*”, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh (tỉnh Gia Lai có “*bản*” hay không?).

- Ở điểm 5 khoản I, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Điểm d khoản 2 Điều này*” đảm bảo xác định chính xác điều, khoản, điểm quy định nội dung cần viện dẫn.

- Ở tiết b điểm 1 khoản II, đề nghị bỏ nội dung “*Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút*”, vì Nghị định này đã hết hiệu lực toàn bộ theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

- Ở điểm 3 khoản II, đề nghị xem lại đối với việc xây dựng nội dung chi, mức chi “*Hội nghị giao ban khuyến nông vùng*” đảm bảo phù hợp với hoạt động khuyến nông địa phương (*Hoạt động khuyến nông địa phương có Hội nghị giao ban khuyến nông vùng hay không?*).

Tương tự, đề nghị nghiên cứu lại nội dung tại điểm 4 khoản III đảm bảo phù hợp với hoạt động khuyến nông địa phương.

- Ở điểm 1 khoản III, đề nghị nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC; xây dựng nội dung đảm bảo đầy đủ, rõ ràng.

- Ở khoản quy định nội dung chi, mức chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông (khoản III), căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC, đề nghị bổ sung quy định nội dung chi, mức chi tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng.

- Ở điểm 2 khoản IV, đề nghị nghiên cứu Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; xây dựng nội dung đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật địa phương.

d) Đề nghị bổ sung nội dung “*Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới*”.

e) Đối với việc sử dụng từ ngữ viết tắt (như: V/v;...), đề nghị sử dụng từ ngữ viết đầy đủ nhằm đảm bảo nội dung được rõ ràng.

g) Tại phần nơi nhận, đề nghị:

- Căn cứ Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung “*Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính*”.

- Sửa “*Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp*” nhằm đảm bảo đúng tên gọi.

2. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị đổi chiểu mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các quy định khác tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật, như:

a) Trình bày số, ký hiệu đúng quy định tại Điều 58 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*cõi chữ 13*);

b) Bố cục, trình bày nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

c) Chỉnh sửa một số lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu tại dự thảo Nghị quyết;...

II. ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Về nội dung

Tại mục I, mục II, đề nghị sửa nội dung “*Mục 2, Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC*” như sau: “*Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC*” nhằm đảm bảo nội dung được chính xác.

2. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị đổi chiểu mẫu số 03 - Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và áp dụng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính

phù hợp công tác văn thư để trình bày dự thảo Tờ trình đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật.

III. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Đề nghị Sở Tài chính triển khai nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sau đây viết là Luật năm 2015), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Sở Tư pháp đã hướng dẫn tại Văn bản số 147/STP-XD&KTVB ngày 05/02/2020 về việc triển khai thực hiện công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật*). Trong đó, lưu ý **thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 111 Luật năm 2015; đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai** theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật năm 2015 và lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là góp ý của Sở Tư pháp đối với 02 dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, XD&KTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Sở Tư pháp
Tỉnh Gia Lai
08.05.2020 16:28:56 +07:00

Nguyễn Như Ý